Chi tiết mã HS 2853.10.00

Mã HS	2853.10.00
Mô tả hàng hóa	Phosphua, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học, trừ phosphua sắt; các hợp chất vô cơ khác (bao gồm nước cất hoặc nước khử độ dẫn hoặc các loại nước tinh khiết tương tự); khí hóa lỏng (đã hoặc chưa loại bỏ khí hiếm); khí nén; hỗn hống, trừ hỗn hống của kim loại quý / - Cyanogen chloride (chlorcyan)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:25:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28531000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3760
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3760
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3760
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3747
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3708
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3708
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3708
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3708
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3708
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3708
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3746
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3746
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3746
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3746
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3746
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3750
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3750
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3750
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3750
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3750
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3750
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3750
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3714
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3710
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3710
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3710
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3710
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3710
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3710
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3710
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3710
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3710
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3710
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3710
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3710
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3757
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3757
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3757
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3757

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3757
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3757
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3754
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3754
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3754
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3754
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3754
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3754
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3762
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3762
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3762
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3762
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3762
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3762
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3733
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3733
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3733
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3733
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3733
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3733
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3735
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3735
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3735
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3735
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3735
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3733
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3733
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3733
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3733
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3733
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3733
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3733
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3754
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3754
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3754
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3754
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3754
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3754
RCEP B	2022	2022	0	B!D3754
RCEP B	2023	2023	0	B!E3754
RCEP B	2024	2024	0	B!F3754
RCEP B	2025	2025	0	B!G3754
RCEP B	2026	2026	0	B!H3754
RCEP B	2027	2027	0	B!I3754
RCEP C	2022	2022	0	C!D3754
RCEP C	2023	2023	0	C!E3754
RCEP C	2024	2024	0	C!F3754
RCEP C	2025	2025	0	C!G3754
RCEP C	2026	2026	0	C!H3754
RCEP C	2027	2027	0	C!I3754
RCEP D	2022	2022	0	D!D3754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E3754
RCEP D	2024	2024	0	D!F3754
RCEP D	2025	2025	0	D!G3754
RCEP D	2026	2026	0	D!H3754
RCEP D	2027	2027	0	D!I3754
RCEP E	2022	2022	0	E!D3757
RCEP E	2023	2023	0	E!E3757
RCEP E	2024	2024	0	E!F3757
RCEP E	2025	2025	0	E!G3757
RCEP E	2026	2026	0	E!H3757
RCEP E	2027	2027	0	E!I3757
RCEP F	2022	2022	0	F!D3754
RCEP F	2023	2023	0	F!E3754
RCEP F	2024	2024	0	F!F3754
RCEP F	2025	2025	0	F!G3754
RCEP F	2026	2026	0	F!H3754
RCEP F	2027	2027	0	F!I3754
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3440
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3440
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3440
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3440

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hóa chất Bảng 3 (3A-Các hóa chất độc 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)		33/2024/NĐ-CP, 26/2026/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)			Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2853.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2853.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3760), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hóa chất Bảng 3 (3A-Các hóa chất độc 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)
Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.